

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 129/2019/HSST

Ngày: 17/4/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn T Anh.

Thẩm phán: Ông Phan Văn Liệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng.

2. Ông Nguyễn Thành Châu.

3. Bà Lê Thị Nhung.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Chiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 783/2018/HSST ngày 17/12/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1542/2019/QĐST-HS ngày 02/4/2019 đối với bị cáo:

Lữ Minh T; giới tính: Nam; sinh năm: 1978; tại: tỉnh AG; nơi đăng ký thường trú: số 05 Võ TT, phường 2, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 01 BQ, Phường 27, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông A, sinh năm 1951 (chết) và bà B, sinh năm 1951; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân: Ngày 21/6/2005, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại bản án số 918/2005/HSST. Do có kháng cáo nên ngày 26/9/2005, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ xét xử phúc thẩm do Lữ Minh T rút kháng cáo tại phiên tòa (bản án số 1635/2005/HS-PT). Chấp hành xong hình phạt tù và toàn bộ bản án ngày 21/01/2009 (bút lục 55 - 68).

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 20/6/2018 (có mặt).

Những người tham gia tố tụng:

+Người bào chữa: Ông Trịnh Bá Thân là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trịnh Bá Thân thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lữ Minh T (có mặt).

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1988; địa chỉ: 02 Đường số 4, khu phố 2, phường TK, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bà Lữ Minh R, sinh năm 1980; địa chỉ: 03 PVT, Phường 11, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

+Người làm chứng:

1. Ông Lê Văn S, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 04 NVT, phường ĐK, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Lý P, sinh năm 1975; địa chỉ: 05 NTT, Phường 13, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 23h00' ngày 20/6/2018, tại ngã tư đường NĐC và HBT, Phường 6, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội 7 Phòng CSĐT tội phạm về ma túy - Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bắt quả tang Lữ Minh T đang điều khiển xe gắn máy chở Nguyễn Thị K có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để bán; thu trong túi quần phía sau bên trái của T đang mặc có 10 viên nén màu xanh (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 3,9873 gam, loại MDMA); thu ở móc treo đồ phía trước xe gắn máy của T đang điều khiển 01 túi xách, bên trong có 01 gói nylon chứa 50 viên nén màu xanh (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 16,4547g, loại MDMA), 02 gói nylon chứa tinh thể không màu (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,4106g, loại Methamphetamine).

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lữ Minh T tại nhà số 01 BQ, Phường 27, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ tại phòng ngủ ở lầu 2: 15 gói nylon chứa nhiều viên nén màu xanh, màu hồng (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 512,5055g, loại MDMA); 01 gói nylon chứa chất bột màu hồng (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 6,9697g, loại MDMA). Theo các bản kết luận giám định số 1079/KLGD-H và số 1080/KLGD-H ngày 29/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh - bút lục: 23-28; 41-43.

Quá trình điều tra, Lữ Minh T khai nhận: từ ngày 21/3/2018 cho đến ngày bị bắt, T có hoạt động mua bán ma túy, nguồn ma túy T mua của một người tên Bu Mập (không rõ lai lịch) thông qua Thành (không rõ lai lịch) giới thiệu. Tất

cả các lần mua ma túy của Bu Mập đều do một người tên Hậu (không rõ lai lịch) là người của Bu Mập mang đến bán cho T, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 21/3/2018, tại ngã tư CT và Đường 1, Quận D, T mua 200 viên thuốc lắc với giá 200.000 đồng/1viên rồi mang về cất giấu tại nhà số 01 BQ, phường 27, quận BT để bán lại cho người khác kiếm lời.

- Các lần thứ 2, thứ 3 và thứ 4 (không nhớ rõ thời gian và địa điểm), mỗi lần T mua từ 200 đến 300 viên thuốc lắc với giá 190.000 đồng/1viên và còn mua 02 gói ma túy đá với giá 5.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T mang về nhà cất giấu để bán lại cho người khác kiếm lời.

- Lần thứ 5: Ngày 11/6/2018, T mua 250 viên thuốc lắc với giá 190.000 đồng/1viên giao tại đường ADV Quận E, rồi mang về nhà cất giấu để bán. Ngày 20/6/2018, có đối tượng tên Cười (không rõ lai lịch) gọi điện thoại đặt mua 10 viên thuốc lắc với giá 250.000 đồng/1viên và hẹn gặp tại ngã tư đường ĐBP và HBT, Quận D để giao dịch mua bán. Lúc này, có bạn gái của T là Nguyễn Thị K đến nhà chơi nên T rủ Tuyền cùng đi chơi với T. Trước khi đi, T lấy 02 gói ma túy đá và 01 gói nylon chứa 50 viên thuốc lắc bỏ vào túi xách của Tuyền nhưng không nói cho Tuyền biết. Đồng thời, T lấy 10 viên thuốc lắc bỏ vào 01 bao giấy cất giấu ở túi quần của T đang mặc trên người. Sau đó, T chở Tuyền đến ngã tư đường NDC và HBT, phường 6, Quận 3 thì bị Công an phát hiện bắt quả tang như nêu trên. Khám xét khẩn cấp nơi ở của T thu giữ toàn bộ số ma túy T mua của Bu Mập cất giấu tại nhà nhưng chưa kịp bán (bút lục 74-85).

*Vật chứng thu giữ trong vụ án: Đã được liệt kê tại các Phiếu nhập kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC47) và Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp (PC81) Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản cáo trạng số 470/CT-VKS-P1 ngày 06/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lữ Minh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, phân tích, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cũng như các tình tiết định khung, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b Khoản 4, Khoản 5 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lữ Minh T mức án tù Chung thân; phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước; và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

+Bào chữa cho bị cáo Lữ Minh T: Luật sư thống nhất về tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo nên không tranh luận. Luật sư chỉ phân tích đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn đã 05 lần mua ma túy về cất giấu để bán như nội dung bản cáo trạng truy tố, nhưng ngoài lời khai nhận của bị cáo không chứng minh được những người đã mua, bán ma túy. Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản khám xét khi thu giữ ma túy đều xác định bị cáo T có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy, và loại ma túy bị cáo cất giữ gồm MDMD và MA, là các chất ma túy khác ở thể rắn nên theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; cũng như xem xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội cho bị cáo Lữ Minh T hưởng mức án khoan hồng, phạt tù có thời hạn để bị cáo có cơ hội chấp hành án, sửa chữa làm lại cuộc đời.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Ý kiến của luật sư nêu ra là không có cơ sở pháp luật nên không được chấp nhận, bởi lẽ chất ma túy mà bị cáo Lữ Minh T mua bán, bao gồm: Methamphetamine (MA) và MDMA đều là các chất ma túy ở thể rắn được quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Lữ Minh T không tranh luận, chỉ xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật vì bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mẹ già đã lớn tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo Lữ Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi khách quan trong việc mua bán ma túy của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố, cụ thể:

Muốn kiếm tiền tiêu xài nên từ ngày 21/3/2018, Lữ Minh T bắt đầu thực hiện hành vi mua bán trái phép ma túy. Nguồn ma túy, T mua của Bu Mập thông qua Thành giới thiệu. Tính đến ngày bị bắt, T đã 05 lần mua ma túy của Bu Mập đều do Hậu (không rõ lai lịch) là người của Bu Mập mang đến bán cho T mang về nhà cất giấu để bán lại cho người khác kiếm lời.

- Lần thứ nhất: Vào ngày 21/3/2018, tại ngã tư đường CT - Đường 1, Quận D, T mua 200 viên thuốc lắc với giá 200.000 đồng/1viên.

- Các lần thứ 2, thứ 3 và thứ 4 (không nhớ rõ thời gian và địa điểm), T mua mỗi lần từ 200 đến 300 viên thuốc lắc với giá 190.000 đồng/1viên và 02 gói ma túy đá với giá 5.000.000 đồng.

- Lần thứ 5: Ngày 11/6/2018, T mua 250 viên thuốc lắc với giá 190.000 đồng/1viên tại đường ADV, Quận E

Đến ngày 20/6/2018, khi Lữ Minh T chở bạn gái là Nguyễn Thị K đi chơi và cùng đến nơi hẹn để bán ma túy cho một người tên Cười đã gọi điện thoại trước đó đặt mua 10 viên thuốc lắc với giá 250.000 đồng/1viên thì bị Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng toàn bộ số ma túy mang theo. Qua khám xét

nơi ở của bị cáo, Công an đã thu giữ số ma túy còn lại mà bị cáo đã mua của Bu Mập trước đó đang cất giấu tại nhà nhưng chưa kịp bán.

Đối với số ma túy gồm 02 gói ma túy đá và 01 gói nylon chứa 50 viên thuốc lắc bị thu giữ trong túi xách của Nguyễn Thị K vào ngày bắt quả tang do bị cáo bỏ vào túi xách khi K đến nhà chơi và bị cáo rủ Tuyền đi chơi cùng. Tuyền không biết việc bị cáo cất giấu ma túy vào trong túi của K cũng như việc đi cùng đến nơi hẹn để bị cáo bán ma túy cho Cười.

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo Lữ Minh T tại Cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, phù hợp với: biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, biên bản niêm phong vật chứng, lời khai của (Nguyễn Thị K và người làm chứng), bản kết luận giám định cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ của bị cáo: Theo các bản kết luận giám định số 1079/KLGD-H và số 1080/KLGD-H ngày 29/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục: 23-28; 41-43), có cơ sở xác định:

- Thu giữ khi bị bắt quả tang toàn bộ chất ma túy ở thể rắn, bao gồm: 10 viên nén màu xanh có khối lượng 3,9873 gam, loại MDMA; 01 gói nylon chứa 50 viên nén màu xanh có khối lượng 16,4547g, loại MDMA; và 02 gói nylon chứa tinh thể không màu có khối lượng 2,4106g, loại Methamphetamine (MA).

- Thu giữ khi tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lữ Minh T tại nhà số 01 BQ, Phường 27, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh toàn bộ là chất ma túy ở thể rắn, bao gồm: 15 gói nylon (chứa nhiều viên nén màu xanh, màu hồng) có khối lượng 512,5055g loại MDMA; 01 gói nylon chứa chất bột màu hồng có khối lượng 6,9697g, loại MDMA.

Xét, đã có đủ cơ sở để kết luận: Muốn kiếm tiền tiêu xài nên bị cáo Lữ Minh T đã nhiều lần đi mua ma túy của đối tượng tên Bu mập (không rõ lai lịch) về cất giấu tại nhà số 01 BQ, phường 27, quận BT để bán lại cho người khác kiếm lời.

Vào lúc 23h00' ngày 20/6/2018, khi bị cáo đến nơi hẹn để bán ma túy cho một đối tượng tên Cười (không rõ lai lịch) đã gọi điện thoại đặt mua 10 viên thuốc lắc trước đó thì bị Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng tổng cộng là 22,8526g ma túy ở thể rắn gồm các loại: 20,442g MDMA và 2,4106g Methamphetamine (MA); tại ngã tư đường NDC - HBT, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khám xét nơi ở của T thu giữ tổng cộng 519,4752g chất ma túy ở thể rắn, loại MDMA cất giấu để bán.

Như vậy, với khối lượng ma túy đã mua cất giấu trái phép nhằm mục đích để bán và hành vi của bị cáo Lữ Minh T đã phạm vào tội “Mua bán trái

phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi phạm tội của bị cáo Lữ Minh T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm về ma túy và tệ nạn xã hội khác; gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với động cơ vụ lợi bất chính vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước để cố ý phạm tội.

Xét, bị cáo Lữ Minh T thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng các chất ma túy ở thể rắn (thu giữ khi bị bắt quả tang và khám xét khẩn cấp) là 542,3278g, bao gồm các loại Methamphetamine (MA) và MDMA; nên đã phạm tội thuộc trường hợp “Heroin, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 100 gam trở lên”, đây là tình tiết định khung tăng nặng.

Do đó về hình phạt, cần xét xử nghiêm đối với bị cáo Lữ Minh T theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Về nhân thân: bị cáo T đã từng bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, mặc dù lần phạm tội này đã được đương nhiên xóa án tích nên không coi là tiền án để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm nhưng cũng cần lưu ý khi quyết định hình phạt.

Xét tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo, cũng như khối lượng các chất ma túy ở thể rắn đã thực hiện hành vi mua bán là 542,3278g, bao gồm các loại MDMA và Methamphetamine (MA); cần căn cứ điểm a tiểu mục 3.1 Mục 3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để quyết định hình phạt.

Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, về hình phạt đặt ra phải nghiêm, cần có thời gian đủ dài cách ly xã hội mới có tác dụng để răn đe giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét: tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn, hối cải và gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, có mẹ đã lớn tuổi hết tuổi lao động; để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt đáng ra phải chịu theo quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

+Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để buộc bị cáo nộp phạt một khoản tiền sung quỹ Nhà nước.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử đối với bị cáo Lữ Minh T là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai. Tuy nhiên, về mức hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù Chung thân là có

phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Lữ Minh T về tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

+Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), người tiến hành tố tụng (Điều tra viên, Kiểm sát viên) và Luật sư; đã thực hiện các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng đúng về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và tại phiên tòa bị cáo Lữ Minh T thừa nhận điều tự nguyện khai báo, không bị mớm cung, bức cung, dùng nhục hình và không có khiếu nại trong các giai đoạn tiến hành tố tụng; nên đều hợp pháp.

+Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét:

- 05 gói niêm phong, toàn bộ là chất ma túy độc hại còn lại sau giám định, cấm tuyệt đối sử dụng nên tịch thu tiêu hủy toàn bộ, bao gồm:

+ 03 gói niêm phong bên ngoài ghi 1079/18 (1, 2, 3), có chữ ký của giám định viên Huỳnh Thanh Thảo và điều tra viên Nguyễn Văn Phúc, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

+ 02 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1080/18 (1, 2), có chữ ký của giám định viên Huỳnh Thanh Thảo và điều tra viên Nguyễn Văn Phúc, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen gắn sim số 0906733xxx, là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc mua bán ma túy nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 02 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, đen gắn sim 0906292xxx và số tiền 8.000.000 đồng, T khai là tiền cá nhân và điện thoại dùng để liên lạc với gia đình và bạn bè; qua điều tra không chứng minh liên quan tội phạm nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án về tài sản.

- Riêng đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda, biển số 59S2-596.xx (số máy: KF26E-0000119, số khung: RLHKF2511GY000119): Kết quả xác minh, xe do chị Lữ Minh R (là em gái của T) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 18/6/2018, chị R cho T mượn xe sử dụng làm phương tiện đi lại và không biết T sử dụng để đi mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, ngày 16/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe trên cho chị R (bút lục 101-105), là phù hợp với quy định của pháp luật.

+Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, buộc bị cáo Lữ Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với Nguyễn Thị K tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, khai phù hợp với Lữ Minh T không biết việc T bỏ ma túy vào túi xách của K và không biết việc đi cùng T để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không đưa vào diện xử lý hình sự đối với Tuyền là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các đối tượng liên quan hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Lữ Thanh T, gồm: Thành, Bu Mập, Hậu, Cười do T khai không rõ nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xem xét, xử lý.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lữ Minh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Căn cứ vào điểm b Khoản 4, Khoản 5 Điều 251; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Lữ Minh T 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 20/6/2018.

- Về hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Lữ Minh T nộp phạt 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 03 gói niêm phong bên ngoài ghi 1079/18 (1, 2, 3), có chữ ký của giám định viên Huỳnh Thanh Thảo và điều tra viên Nguyễn Văn Phúc, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

+ 02 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1080/18 (1, 2), có chữ ký của giám định viên Huỳnh Thanh Thảo và điều tra viên Nguyễn Văn Phúc, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

+ 01 (một) túi xách nữ màu xám.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu đen gắn sim số 0906733990 thu giữ của bị cáo Lữ Minh T.

- Tiếp tục tạm giữ: 02 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, đen gắn sim 0906292733 và số tiền 8.000.000 đồng (thu giữ của bị cáo Lữ Minh T) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án về tài sản.

(Vật chứng theo biên bản giao nhận tang tài vật số 101/19 ngày 22/11/2018 của Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền lập ngày 17/10/2018 nộp vào tài khoản số 3949.0.9059775.0000 gửi vào Kho

bạc Nhà nước Quận 10, tài khoản Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

+Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP. HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (23) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn T Anh